

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỆT MAY THẮNG LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10/2021-CV-DMTL

TP. HCM, ngày 16 tháng 07 năm 2021

V/v: giải trình chênh lệch từ 10% trở lên LNST báo cáo tài chính so với cùng kỳ năm trước và LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Quý cổ đông Công ty Cổ phần Dệt may Thắng Lợi

1. Tên công ty : Công ty Cổ phần Dệt May Thắng Lợi
2. Địa chỉ trụ sở chính : Số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM

Căn cứ theo khoản 4, điều 14, chương III của Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dệt May Thắng Lợi ("Công ty") xin được giải trình trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp báo cáo tài chính của quý 2 năm 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính của quý 2 năm 2021 bị lỗ như sau:

ĐVT:VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	Chênh lệch	% (tăng)/giảm
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.536.647.205)	(2.222.977.973)	(12.313.669.232)	(554)%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp báo cáo tài chính của Công ty quý 2 năm 2021 giảm 554% chủ yếu là do chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính của Công ty quý 2 năm 2021 bị lỗ chủ yếu là do Công ty không còn phát sinh doanh thu từ cung cấp dịch vụ nhưng vẫn phát sinh các chi phí quản lý doanh nghiệp duy trì hoạt động của Công ty.

Bằng công văn này Công ty kính giải trình lên Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

NGUYỄN LÊ MỸ HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

MÃ SỐ THUẾ: 0300402983

ĐỊA CHỈ: SỐ 2 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Mã số thuế : 0300402983

Số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	31/12/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.324.916.870	276.926.451.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.017.049.130	329.010.718
1. Tiền	111		1.017.049.130	329.010.718
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		255.840.445.306	271.126.118.057
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	325.138.000	152.526.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	175.000.000	175.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	104.670.000.000	128.370.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	150.670.307.306	142.428.592.057
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.467.422.434	5.471.322.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.812.000	4.530.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	5.357.209.803	5.358.391.914
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	108.400.631	108.400.631
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Mã số thuế : 0300402983

Số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	31/12/2020
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.988.935.013	246.668.935.013
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		190.000.000.000	190.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	190.000.000.000	190.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221			
- Nguyên giá	222	V.6	16.687.650.944	16.687.650.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.687.650.944)	(16.687.650.944)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.7	13.744.005.834	13.744.005.834
- Nguyên giá	231		13.744.005.834	13.744.005.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.272.288.171	39.952.288.171
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	40.272.288.171	39.952.288.171
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	2.000.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	972.641.008	972.641.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		972.641.008	972.641.008
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		524.313.851.883	523.595.386.333

00
C
C
D
TH
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Mã số thuế : 0300402983

Số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	31/12/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		117.703.746.056	100.857.361.111
I. Nợ ngắn hạn	310		117.386.536.056	100.540.151.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	100.900.276	389.859.306
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	17.212.931.922	743.800
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	54.669.475	131.513.622
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	100.018.034.383	100.018.034.383
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		317.210.000	317.210.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	317.210.000	317.210.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Mã số thuế : 0300402983

Số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	31/12/2020
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		406.610.105.827	422.738.025.222
I. Vốn chủ sở hữu	410		406.610.105.827	422.738.025.222
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	765.000.000.000	765.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		765.000.000.000	765.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(300.000.000)	(300.000.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(358.089.894.173)	(341.961.974.778)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(341.961.974.778)	(336.215.737.460)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(16.127.919.395)	(5.746.237.318)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		524.313.851.883	523.595.386.333

TP.HCM, Ngày 16 tháng 07 năm 2021

Trần Huỳnh Thanh Trúc

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Chứng chỉ hành nghề kế toán số 3165/2019/KET.1

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính – Kế Toán Trí Minh

Số 3.01, TM-DV18, Lầu 3, Khối tháp V5-V6,

Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô V (Sunrise City, Khu South Towers),

23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM



Nguyễn Lê Mỹ Hưng

Chủ tịch hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Mã số thuế : 0300402983

Số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 02 - DN

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-		-	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-	-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-		-	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	4.391.477.343	3.936.596.973	8.818.766.042	7.827.817.842
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.2	(19.310.970.133)	(6.961.526.774)	(25.737.636.810)	(13.809.627.720)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.919.492.790)	(3.024.929.801)	(16.918.870.768)	(5.981.809.878)
11. Thu nhập khác	31	VI.3	382.917.273	871.758.182	791.110.000	1.322.056.364
12. Chi phí khác	32		(71.688)	(69.806.354)	(158.627)	(69.806.354)
13. Lợi nhuận khác	40		382.845.585	801.951.828	790.951.373	1.252.250.010
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.536.647.205)	(2.222.977.973)	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.4	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(14.536.647.205)	(2.222.977.973)	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	(190)	(29)	(211)	(62)

TP.HCM, Ngày 16 tháng 07 năm 2021



Trần Huỳnh Thanh Trúc

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Chứng chỉ hành nghề kế toán số 3165/2019/KET.1

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính -Kế Toán Trí Minh

Số 3.01, TM-DV18, Lầu 3, Khối tháp V5-V6, Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng

lô V (Sunrise City, Khu South Towers), 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7,

TP.HCM



Nguyễn Lê Mỹ Hương

Chủ tịch hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Mã số thuế : 0300402983

Số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số 13 03 - DN

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02			-
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.242.478.370)	(2.220.721.951)
- Chi phí lãi vay	06			-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(19.370.397.765)	(6.950.281.819)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(5.747.717.561)	(3.557.660.354)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.846.384.945	15.082.937.950
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		2.718.000	-
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.269.012.381)	4.574.995.777
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(320.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.700.000.000	11.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		577.050.793	9.719.896
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.957.050.793	(2.790.280.104)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THĂNG LỢI

Mã số thuế : 0300402983

Số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15.688.038.412	1.784.715.673
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		329.010.718	906.195.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.017.049.130	2.690.911.387



Trần Huỳnh Thanh Trúc

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Chứng chỉ hành nghề kế toán số 3165/2019/KET.1

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính -Kế Toán Trí Minh

Số 3.01, TM-DV18, Lầu 3, Khối tháp V5-V6, Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô V (Sunrise City, Khu South Towers), 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM



TP.HCM Ngày 16 tháng 07 năm 2021

Nguyễn Thị Hưng
Chủ tịch nội đồng quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Dệt may Thắng Lợi là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1316/QĐ-TCCB ngày 11/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0300402983 ngày 6/7/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, phát triển nhà, xây dựng cơ sở hạ tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, sản xuất ga trái giường, chăn gối, sản xuất giày dép, sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt, môi giới bất động sản, may trang phục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

- Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-20 năm
- Máy móc thiết bị	5-10 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị quản lý	3-5 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty có thể dựa vào các bất động sản chủ sở hữu sử dụng cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao của bất động sản đầu tư.

Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, bất động sản đầu tư không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp được đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại

phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

14. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Điều hành Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	31/12/2020
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.017.049.130	329.010.718
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	15.000.000.000	
Cộng	16.017.049.130	329.010.718

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	31/12/2020
	VND	VND
Bên thứ ba	325.138.000	152.526.000
Bên liên quan	-	-
Cộng	325.138.000	152.526.000

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	31/12/2020
	VND	VND
Bên thứ ba	175.000.000	175.000.000
Bên liên quan	-	-
Cộng	175.000.000	175.000.000

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty CP Khách sạn Du lịch Thanh Niên Vũng Tàu	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Nova F&B	-	14.900.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Anh Tú	75.470.000.000	75.470.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Da Vàng	25.200.000.000	34.000.000.000
Cộng	104.670.000.000	128.370.000.000

Cho các Công ty vay theo hợp đồng vay với thời hạn vay 5 tháng đến 12 tháng, lãi suất vay 3,95%/năm đến 7,3%/năm, khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu khác

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khác	150.670.307.306	142.428.592.057
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.630.238.810	1.964.811.233
Lãi hợp tác kinh doanh dự thu	13.040.068.496	7.463.780.824
Phải thu từ hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cửu Long (bên thứ ba)	133.000.000.000	133.000.000.000
Phải thu khác	-	-
Phải thu dài hạn khác	190.000.000.000	190.000.000.000
Phải thu từ hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Open Land (bên thứ ba)	150.000.000.000	150.000.000.000
Phải thu từ hợp tác kinh doanh với Công ty CP Bất động sản Nova Lexington (bên thứ ba)	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	340.670.307.306	332.428.592.057

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.927.850.324	415.564.589	3.094.793.407	249.442.624	16.687.650.944
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2021	12.927.850.324	415.564.589	3.094.793.407	249.442.624	16.687.650.944
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(12.927.850.324)	(415.564.589)	(3.094.793.407)	(249.442.624)	(16.687.650.944)
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2021	(12.927.850.324)	(415.564.589)	(3.094.793.407)	(249.442.624)	(16.687.650.944)
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	-	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 16.687.650.944 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 16.687.650.944 đồng).

7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa
vật kiến trúc

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	13.744.005.834
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/06/2021	13.744.005.834
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/06/2021	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	13.744.005.834
Tại ngày 30/06/2021	13.744.005.834

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Dự án Thăng Lợi	40.272.288.171	39.952.288.171
Cộng	40.272.288.171	39.952.288.171

9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ sở hữu	30/06/2021 VND	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2020 VND
Công ty CP Dệt Quốc tế Thăng Lợi (200.000 cp)	20,00%	2.000.000.000	20,00%	2.000.000.000
Cộng		2.000.000.000		2.000.000.000

Tại ngày 31/12/2020 và tại ngày 30/06/2021, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

10. Chi phí trả trước

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.812.000	4.530.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.812.000	4.530.000
Chi phí trả trước dài hạn	972.641.008	972.641.008
Chi phí trả trước dài hạn khác	972.641.008	972.641.008
Cộng	974.453.008	977.171.008

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Bên thứ ba	100.900.276	389.859.306
Bên liên quan	-	-
Cộng	58.497.476	389.859.306

12. Thuế và các khoản phải nộp/(Phải thu) nhà nước

Phải nộp	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	743.800	80.208.182	(80.951.982)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	220.489.854	-	220.489.854
Tiền thuế đất	-	24.721.650.043	(7.729.207.975)	16.992.442.068
Cộng	743.800	25.025.348.079	(7.813.159.957)	17.212.931.922

Phải thu	01/01/2021 VND	Số phát sinh trong năm	Số cần trừ trong năm	30/06/2021 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	(5.358.391.914)	(77.928.889)	79.111.000	(5.357.209.803)
Thuế TNDN	(108.400.631)	-	-	(108.400.631)
Cộng	(5.466.792.545)	(77.928.889)	79.111.000	(5.465.610.434)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	54.669.475	131.513.622
Cộng	54.669.475	131.513.622

14. Phải trả khác

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác	100.018.034.383	100.018.034.383
Nhận cọc Công ty TNHH Big Lotus (Tân Thuận) (bên thứ ba)	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải trả khác	18.034.383	18.034.383
Phải trả dài hạn khác	317.210.000	317.210.000
Phải trả khác	317.210.000	317.210.000
Cộng	100.335.244.383	100.335.244.383

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	765.000.000.000	(300.000.000)	(336.215.737.460)	428.484.262.540
Lỗ trong năm trước	-	-	(5.746.237.318)	(5.746.237.318)
Số dư cuối năm trước	765.000.000.000	(300.000.000)	(341.961.974.778)	422.738.025.222
Lỗ trong kỳ	-	-	(16.127.919.395)	(16.127.919.395)
Số dư tại ngày 30/06/2021	765.000.000.000	(300.000.000)	(358.089.894.173)	406.610.105.827

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2021 VND	%	31/12/2020 VND	%
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Vạn Thành	183.600.000.000	24	183.600.000.000	24
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Vạn An	183.600.000.000	24	183.600.000.000	24
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bright Ocean	175.950.000.000	23	175.950.000.000	23
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bright Coast	180.925.140.000	23,65	180.925.140.000	23,65
Ông Lê Thanh Liêm	23.224.500.000	3,04	23.224.500.000	3,04
Vốn góp của các đối tượng khác	17.700.360.000	2,31	17.700.360.000	2,31
Cộng	765.000.000.000	100	765.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	765.000.000.000	765.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	765.000.000.000	765.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	31/12/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76.500.000	76.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.500.000	76.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	76.500.000	76.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.500.000	76.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	76.500.000	76.500.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi	2.490.521	12.869.896
Lãi tiền cho vay	3.239.987.849	2.207.852.055
Lãi từ hợp tác đầu tư	5.576.287.672	5.607.095.891
Cộng	8.818.766.042	7.827.817.842

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí cho nhân viên	396.409.091	1.179.421.461
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2.947.682
Chi phí thuế, phí, lệ phí	24.945.139.897	11.784.721.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.332.929	793.720.798
Chi phí bằng tiền khác	754.893	48.815.806
Cộng	25.737.636.810	13.809.627.720

3. Thu nhập khác

	Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Thu tiền xe ra vào cổng	551.110.000	1.082.056.364
Thu nhập khác	240.000.000	240.000.000
Cộng	791.110.000	1.322.056.364

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên và các khoản lỗ tính thuế của các năm trước vì khả năng Công ty không có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

5. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	76.500.000	76.500.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(211)	(62)

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân công	396.409.091	1.179.421.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.332.929	793.720.798
Chi phí khác bằng tiền	24.945.894.790	11.836.485.461
Cộng	25.737.636.810	13.809.627.720

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lương, thưởng và phúc lợi khác	396.409.091	126.945.000
Thù lao	-	-

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu tập trung vào cung cấp một số dịch vụ, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Dịch vụ của Công ty trong năm chủ yếu được cung cấp tại Công ty, do đó Hội đồng Quản trị cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Huỳnh Thanh Trúc
Chứng chỉ hành nghề: 3165/2019/KET.1
Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính –
Kế Toán Trí Minh

Số 3.01, TM-DV18, Lầu 3, Khối tháp V5-
V6, Khu chung cư kết hợp thương mại,
văn phòng lồ V (Sunrise City, Khu South
Towers), 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường
Tân Hưng, Quận 7, Tp.HCM



Đại diện Hội đồng Quản trị

Nguyễn Lê Mỹ Hưng

Ngày 16 tháng 07 năm 2021